

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2022

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 158/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962; hộ khẩu thường trú: Tổ 9, ấp H, xã A, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Đinh Thị Huỳnh M, sinh năm 1968; hộ khẩu thường trú: Tổ 9, ấp H, xã A, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Nhà trọ công nhân Công ty gỗ DH, đường VC, khu phố 6, thị trấn DT, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông L, bị đơn bà M có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn ngày 28/3/2022, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị Huỳnh M chung sống với nhau từ năm 1990, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã B, huyện BC, tỉnh Sông Bé (nay là UBND xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương) vào ngày 19/3/1990. Cuộc sống gia đình hạnh phúc cho đến khoảng 03 năm gần đây thì thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Vợ chồng không hợp tính tình, bà M không chăm lo đến cuộc sống gia đình, không chăm lo cho chồng và các con, không lo làm ăn. Bà M gây nợ cho gia đình, mượn tiền của nhiều người nhưng không rõ mục đích để làm gì, khi mượn tiền của người khác thì cũng không thông báo cho ông L được biết. Từ cuối năm 2019 cho đến nay, bà M bỏ nhà, bỏ địa phương đi, không còn chung sống cùng với ông L và con. Gia đình nhiều lần tìm kiếm thì biết được bà M đã đến Công ty gỗ Diệu Hiền có địa chỉ tại đường VC, khu phố 6, thị trấn D, huyện DT, tỉnh Bình Dương để làm việc và sống tại đây nhà trọ cho công nhân của công ty gỗ Diệu Hiền; cũng từ cuối năm 2019 đến nay, ông L và bà M không còn quan tâm đến nhau, không có liên lạc gì với nhau. Hiện nay, ông L thấy rằng tình nghĩa vợ chồng đã không còn, ông L không còn yêu thương bà M, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau 03 năm nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về con chung: Giữa ông L và bà M có 04 người con chung tên: Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Trà G, sinh năm 1993; Nguyễn K, sinh năm 1995 và Nguyễn Hải Y, sinh ngày 09/6/2005. Ông L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hải Y và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Đối với các con chung là Nguyễn Thị Hoài T, Nguyễn Thị Trà G và Nguyễn K, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn ông L cung cấp: Đơn xin ly hôn ngày 28/3/2022; Bản sao căn cước công dân và sổ hộ khẩu; bản sao trích lục kết hôn của ông L và bà M; bản sao giấy khai sinh và căn cước công dân của con Nguyễn Hải Y; bản sao căn cước công dân của con Nguyễn Thị Hoài T, Nguyễn Thị Trà G và Nguyễn K; bản sao Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Công an xã A, huyện D; bản tự khai ngày 28/3/2022; đơn yêu cầu tòa án hỗ trợ gửi tài liệu chứng cứ; đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải ngày 26/4/2022.

Quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Đinh Thị Huỳnh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Huỳnh M và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau từ năm 1990, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã A, huyện BC, tỉnh Sông Bé (nay là UBND xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Do mâu thuẫn trong đời sống hôn

nhân, mâu thuẫn trong kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm sống; ông L thường kiếm chuyện chửi bới bà M, nhiều lần đuổi bà M ra khỏi nhà; mặt khác, bà M được biết hiện nay ông L đã có tình cảm với người phụ nữ khác tại xã A, huyện D; từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, bà M không còn sống chung với ông L, bà M đến Công ty gỗ Diệu Hiền có địa chỉ tại đường VC, khu phố 6, thị trấn D, huyện DT, tỉnh Bình Dương để làm việc và sống tại đây nhà trọ cho công nhân của công ty gỗ Diệu Hiền; cũng từ tháng 11 năm 2020 đến nay, giữa bà M và ông L không còn quan tâm đến nhau, không có liên lạc gì với nhau. Bà M thấy rằng, hiện nay tình nghĩa vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, ông L yêu cầu ly hôn thì bà M đồng ý nhưng với điều kiện: Ông L phải chia đều tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân cho bà M, mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản hoặc ông L chia đều tài sản cho các con thì bà M mới đồng ý thuận tình ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà M thống nhất với lời trình bày của ông L. Giữa ông L và bà M có 04 người con chung tên: Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Trà G, sinh năm 1993; Nguyễn K, sinh năm 1995 và Nguyễn Hải Y, sinh ngày 09/6/2005. Ông L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hải Y và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con thì bà M không có ý kiến gì. Cháu Yến nay đã lớn, có ý kiến ở với ai thì người đó sẽ nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Trong quá trình hôn nhân, giữa bà M và ông L có tạo dựng được khối tài sản chung gồm: 08 con bò (bò nuôi để bán lấy thịt); phần đất có diện tích khoảng 2000m² có địa chỉ tại ấp Hồ Cạn, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương (bà M không biết cụ thể diện tích đất, số thửa đất, tờ bản đồ), tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 300m² được xây dựng khoảng năm 2003 và các cây trồng trên đất là Sầu Riêng, Mãng cụt, Chôm chôm. Bà M yêu cầu ông L phải chia đều tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân cho bà M, mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản hoặc ông L chia đều tài sản cho các con thì bà M mới đồng ý thuận tình ly hôn với ông L.

Về nợ chung: Bà M không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bà M cung cấp: Bản tự khai ngày 25/4/2022; bản photo căn cước công dân; đơn yêu cầu vắng mặt ngày 11/5/2022.

Ý kiến của con chung: Quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, em Nguyễn Hải Y, sinh ngày 09/6/2005 là con gái của ông L và bà M có ý kiến: Khoảng 02 năm nay, mẹ bỏ đi, không còn chung sống với ba và các con. Khi ba và mẹ ly hôn, em Yến có nguyện vọng được ở với ba là ông L.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án:

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2022 và tại phiên tòa, anh Nguyễn K là con trai của ông L và bà M trình bày: Anh Khánh hiện nay đang cư trú tại ấp Hồ Cạn, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương cùng với ba là ông Nguyễn Văn L và em gái Nguyễn Hải Y. Anh Khánh được biết nguyên nhân dẫn đến việc ông L yêu cầu được ly hôn với bà M là do bà M gây nợ, mượn tiền của nhiều người nhưng

không rõ để làm gì, từ đó ba và mẹ mâu thuẫn với nhau. Từ khoảng tháng 11/2019 đến nay, bà M bỏ nhà ra đi, không cùng chung sống với ông L và các con. Hiện nay, anh Khánh được biết bà M đang sinh sống tại thị trấn D, huyện DT, tỉnh Bình Dương. Giữa ông L và bà M không ai liên lạc gì với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2022, chị Nguyễn Thị Hoài T là con gái của ông L và bà M trình bày: Chị Thương hiện nay đang cư trú tại ấp Hố Cạn, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương, sống gần nhà ông Nguyễn Văn L. Chị Thương được biết, nguyên nhân dẫn đến việc ông L yêu cầu được ly hôn với bà M là do bà M gây nợ, mượn tiền của nhiều người, từ đó ông L và bà M mâu thuẫn với nhau. Từ khoảng tháng 11/2019 đến nay, bà M bỏ nhà ra đi, không cùng chung sống với ông L và các con. Hiện nay, chị Thương được biết bà M đang sinh sống tại thị trấn D, huyện DT, tỉnh Bình Dương. Giữa bà M và ông L không ai liên lạc gì với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Tại biên bản xác minh ngày 02/6/2022, ông Trương Trường C1 - Trưởng Ban lãnh đạo ấp Hố Cạn, xã A, huyện D cung cấp ý kiến: Ông L và bà M có mối quan hệ là vợ chồng, cùng đăng ký thường trú tại ấp Hố Cạn, xã A, huyện D. Khoảng 02 năm nay, bà M bỏ gia đình, bỏ địa phương đi đâu làm gì không rõ. Nguyên nhân bà M bỏ đi là do bà M mượn tiền của nhiều người nhưng không thông qua ông L, không được ông L đồng ý, mượn tiền của người khác để sử dụng vào mục đích gì thì ông L không rõ. Từ đó, giữa ông L và bà M mâu thuẫn với nhau, dẫn đến việc bà M bỏ đi.

Tại biên bản xác minh ngày 02/6/2022, ông Hồ Thái Đ1 – Công an viên bán chuyên trách ấp HC, xã A, huyện D cung cấp ý kiến: Ông L và bà M có mối quan hệ là vợ chồng, cùng đăng ký thường trú tại ấp Hố Cạn, xã A, huyện D. Từ khoảng cuối năm 2019 đến nay, do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng nên bà M bỏ gia đình, bỏ địa phương, đi đâu, làm gì không rõ, rất ít khi có mặt tại địa phương. Riêng ông L cùng hai con (con út và kè út) vẫn cư trú tại ấp Hố Cạn, xã A, huyện D. Ông Đồng được biết, giữa ông L và bà M có mâu thuẫn là do bà M mượn tiền của người khác nhưng ông L không biết, bà M sử dụng tiền mượn làm gì thì ông L không rõ. Từ đó, giữa bà M và ông L phát sinh mâu thuẫn, bà M bỏ đi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt các bên đương sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn L khởi kiện, yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với bà Đinh Thị Huỳnh M. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn bà Đinh Thị Huỳnh M hiện nay đang cư trú tại khu phố 6, thị trấn D, huyện DT nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã An Lập, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé (nay là UBND xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương) vào ngày 19/3/1990. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà M là hợp pháp. Theo ông L, những năm gần đây, giữa ông L và bà M có nhiều mâu thuẫn: Vợ chồng không hợp tính tình, bà M không chăm lo đến cuộc sống gia đình, không chăm lo cho chồng và các con, không lo làm ăn; bà M mượn tiền của nhiều người nhưng không rõ mục đích để làm gì, khi mượn tiền của người khác thì cũng không thông báo cho ông L được biết, bà M gây nợ cho gia đình; từ cuối năm 2019 cho đến nay, bà M bỏ nhà, bỏ địa phương đi, không còn chung sống cùng với ông L và con. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà M thừa nhận việc bà M và ông L chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2012 thì thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Do mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân, mâu thuẫn trong kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm sống; ông L thường kiểm chuyện chửi bới bà M, nhiều lần đuổi bà M ra khỏi nhà; mặt khác, bà M được biết hiện nay ông L đã có tình cảm với người phụ nữ khác tại xã A, huyện D; từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, bà M không còn sống chung với ông L, bà M đến Công ty gỗ Diệu Hiền có địa chỉ tại đường Văn Công Khai, khu phố 6, thị trấn D, huyện DT. Bà M đồng ý ly hôn với ông L nhưng trước khi thuận tình ly hôn thì ông L phải chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông L và bà M, mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản hoặc ông L phải chia tài sản cho các con. Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, qua lời trình bày của các bên đương sự, kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án thấy rằng: Các bên đương sự đều thừa nhận trong quá trình chung sống có mâu thuẫn với nhau về tình cảm, về kinh tế gia đình, không hợp tính tình; từ cuối năm 2019 đến nay đã không còn chung sống với nhau, mỗi người ở mỗi nơi; cả hai đều không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau trong công việc gia đình và nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng quy

định tại các Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân gia đình để giải quyết việc xin ly hôn của ông L với bà M là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa ông L và bà M có 04 người con chung tên: Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Trà G, sinh năm 1993; Nguyễn K, sinh năm 1995 và Nguyễn Hải Y, sinh ngày 09/6/2005. Ông L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hải Y và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Em Nguyễn Hải Y hiện đang do ông L nuôi dưỡng và có nguyện vọng được ở với ông L; vì vậy, việc giao cho ông L nuôi dưỡng em Nguyễn Hải Y là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ông L không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con, đây là ý kiến tự nguyện của ông L và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với các con chung là Nguyễn Thị Hoài T, Nguyễn Thị Trà G và Nguyễn K đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông L xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bà M xác định trong thời gian chung sống với ông L, giữa ông L và bà M có tạo dựng được tài sản chung gồm: 08 con bò (bò nuôi để bán lấy thịt); phần đất có diện tích khoảng 2000m² có địa chỉ tại ấp Hồ Cạn, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương, tài sản trên đất là: 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 300m² được xây dựng khoảng năm 2003 và các cây trồng trên đất là Sầu Riêng, Măng cụt, Chôm chôm. Bà M yêu cầu ông L phải chia đều tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân cho bà M, mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản hoặc ông L chia đều tài sản cho các con thì bà M mới đồng ý thuận tình ly hôn với ông L. Quá trình tố tụng, bà M đã được Tòa án giải thích quy định tại các Điều 70, 73, 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên bà M không có đơn phản tố đối với ông L về tài sản chung theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung. Các bên đương sự được quyền khởi kiện tại một vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên đương sự được quyền khởi kiện tại một vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung.

[3] Xét ý kiến của bị đơn bà Đinh Thị Huỳnh M: Bà M thừa nhận hiện nay tình nghĩa vợ chồng với ông L đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau. Bà M đồng ý ly hôn với ông L nhưng với điều kiện: Ông L phải chia đều tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân cho bà M, mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản hoặc ông L chia đều tài sản cho các con thì bà M mới đồng ý thuận tình ly hôn với ông L. Ý kiến trình bày của bà M là không phù hợp, không được Hội đồng xét xử chấp nhận như đã nhận định ở trên.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng, diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do ông L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do ông Minh là người cao tuổi nên được miễn án phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” của ông Nguyễn Văn L đối với bà Đinh Thị Huỳnh M, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Đinh Thị Huỳnh M.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Ông Nguyễn Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hải Y, sinh ngày 09/6/2005.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn L về việc không yêu cầu bà Đinh Thị Huỳnh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/6/2022)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã A, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng